**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



### HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM XE CƠ GIỚI

**Số: {c\_contractNumber}**

*Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên;*

Hôm nay, ngày **{currentDay}** tháng **{currentMonth}** năm {currentYear}, Chúng tôi gồm có:

**BÊN BẢO HIỂM** *(Sau đây gọi là* ***Bên A*** *hoặc* ***BHV******TP HCM****)*

| Tên đơn vị | : **CÔNG TY BẢO HIỂM HÙNG VƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Địa chỉ | : Tầng 3, Tòa nhà số 49B Phan Đăng Lưu, Phường Cầu Kiệu, TP HCM. | | |
| Điện thoại | : | Fax: |  |
| Mã số thuế | : 0305729654-001 |  |  |
| Tài khoản | : 02347979 tại Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Tân Bình - PGD Tân Sơn Nhất | | |
| Đại diện | : Ông **NGUYỄN NGỌC ẨN** | Chức vụ: | **Giám đốc** |

**BÊN MUA BẢO HIỂM** *(Sau đây gọi là* ***Bên B*** *hoặc* ***Người được bảo hiểm****)*

| Tên chủ xe | : Ông/ Bà **{c\_chuXe}** | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Địa chỉ | :{diaChi}. | | |
| Điện thoại | :{buyerPhone} | Email: | {buyerEmail} |
| CCCD | :{buyerCitizenId} | | |

***Theo thông tin của Bên B cung cấp, các bên thỏa thuận thực hiện những nội dung như sau:***

1. **GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

Theo quy định của pháp luật, trong hợp đồng này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

* **“Giấy chứng nhận bảo hiểm (GCNBH)”** là bằng chứng việc giao kết hợp đồng bảo hiểm giữa BHV và Người được bảo hiểm, do BHV cấp cho Đối tượng được bảo hiểm trên cơ sở yêu cầu bảo hiểm của Người được bảo hiểm và là một trong những chứng từ trong bộ Hợp đồng bảo hiểm.
* **“HĐBH”** / **“SĐBS”** là Hợp đồng bảo hiểm / Sửa đổi bổ sung.
* **“Bảo hiểm TNDS”** là Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. Bao gồm bảo hiểm bắt buộc TNDS và bảo hiểm tự nguyện TNDS.
* **“Bảo hiểm vật chất xe cơ giới; bảo hiểm tai nạn lái phụ xe và người ngồi trên xe, bảo hiểm TNDS của chủ xe đối với hàng hóa trên xe”** là bảo hiểm tự nguyện của chủ xe cơ giới.
* **“Chủ xe cơ giới, chủ xe”** (tổ chức, cá nhân) là chủ sở hữu xe cơ giới hoặc được chủ sở hữu xe cơ giới giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp, điều khiển xe cơ giới.
* **“Xe hoặc xe cơ giới”** là phương tiện bao gồm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới) gồm xe ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, máy kéo; xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự. Xe máy chuyên dùng gồm xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ.
* **“Hành khách**” là người được chở trên phương tiện vận tải hành khách đường bộ, có trả tiền.
* **“Bên thứ ba”** là người bị thiệt hại về thân thể, tính mạng, tài sản do xe cơ giới gây ra, trừ những người sau: Lái xe, phụ xe trên chính chiếc xe đó; Người trên xe và hành khách trên chính chiếc xe đó; Chủ sở hữu xe trừ trường hợp chủ sở hữu đã giao cho tổ chức, cá nhân khác chiếm hữu, sử dụng chiếc xe đó.
* **“Số tiền bảo hiểm”** là số tiền mà Chủ xe cơ giới yêu cầu bảo hiểm cho Đối tượng được bảo hiểm.
* **“Giá thị trường”** là giá mua bán trung bình của chiếc xe tương tự cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất, cùng mẫu xe (model), cùng km lăn bánh, cùng mục đích sử dụng được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm xác định giá thị trường của xe.
* **“Thiết bị chuyên dùng”** theo Hợp đồng này, Quy tắc bảo hiểm tương ứng của BHV được hiểu là các thiết bị dùng để thực hiện một hoặc nhiều chức năng chuyên biệt như: nâng, bốc hàng, làm vệ sinh, trộn bê tông, xe chở dầu, xe chở xăng,… với điều kiện các thiết bị đó chỉ được gắn liền với chiếc xe đã được BHV bảo hiểm và tự động không thuộc phạm vi bảo hiểm khi thiết bị chuyên dụng tách rời khỏi chiếc xe đó.

1. **ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC BẢO HIỂM**

Số GCNBH: **{c\_contractNumber}**

| Biển kiểm soát: **{c\_bienSo}** | Năm sản xuất: **{namSanXuat}** |
| --- | --- |
| Nhãn hiệu: **{c\_carBrand} {c\_carModel}** | Số khung: **{soKhung}** |
| Loại xe: **{loaiXe}** | Số máy: **{soMay}** |
| Số chỗ ngồi: **{soChoNgoi}** chỗ | Mục đích sử dụng: **{loaiHinhKinhDoanh}** |
| Trọng tải: - | Giá trị thị trường của xe theo khai báo: **{giaTriXe}** VND |

1. **PHẠM VI VÀ ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM**

BHV đồng ý bảo hiểm cho xe cơ giới theo các điều kiện và điều khoản như sau:

* 1. Bảo hiểm TNDS của chủ xe đối với người thứ ba, tai nạn hành khách trên xe theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 09 năm 2023 của chính phủ quy định quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới.
  2. Bảo hiểm Vật chất xe có phạm vi bảo hiểm theo các điều khoản bảo hiểm trong Quy tắc bảo hiểm tự nguyện vật chất xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 0197/2025/QĐ-BHV ngày 28 tháng 08 năm 2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Hùng Vương.
  3. Điều khoản bổ sung:

1. BS001: Bảo hiểm mới thay cũ
2. BS002: Bảo hiểm lựa chọn cơ sở sửa chữa
3. BS003: Bảo hiểm thiệt hại động cơ do hiện tượng thủy kích (Mức khấu trừ: 10% số tiền bồi thường và tối thiểu 3,000,000 VNĐ/vụ)
   1. Và không thuộc trường hợp bị loại trừ bảo hiểm được quy định tại Quy tắc bảo hiểm trên và theo quy định pháp luật.

Quy tắc bảo hiểm là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này. Các điều kiện, điều khoản và nội dung tại Quy tắc này được NĐBH và BHV cam kết tuân thủ theo quy định.

1. **LOẠI HÌNH BẢO HIỂM, MỨC TRÁCH NHIỆM/ SỐ TIỀN BẢO HIỂM VÀ PHÍ BẢO HIỂM**
   1. **Bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới đối với bên thứ ba:**

* Mức trách nhiệm đối với người: 150,000,000 VNĐ/người/vụ
* Mức trách nhiệm đối với tài sản: 100,000,000 VNĐ/vụ

*Phí bảo hiểm mục 4.1:* ***{phiTNDS}*** *VNĐ (đã bao gồm 10% VAT)*

* 1. **Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường đối với lái phụ xe và người ngồi trên xe:**
* Mức trách nhiệm bảo hiểm: 10,000,000 VNĐ/người/vụ
* Số người được bảo hiểm: **05** người.

*Phí bảo hiểm mục 4.2:* ***50,000*** *VNĐ (đã bao gồm 10% VAT)*

* 1. **Bảo hiểm Vật chất xe (đã bao gồm điều khoản bổ sung):**
* Số tiền bảo hiểm: **{giaTriXe}** VNĐ
* Số năm đã sử dụng: **02** năm
* Mức khấu trừ: **500,000** VNĐ/vụ

*Phí bảo hiểm mục 4.3:* ***8,400,000*** *VNĐ (đã bao gồm 10% VAT)*

**Tổng phí bảo hiểm phải thanh toán: (4.1+4.2+4.3) = 8,930,700 VNĐ**

*(Bằng chữ:* ***Tám triệu, chín trăm ba mươi ngàn, bảy trăm đồng****).*

1. **HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

**Từ: 08** giờ **00** ngày **27** tháng **09** năm **2025 Đến: 08** giờ **00** ngày **27** tháng **09** năm **2026**.

1. **THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN PHÍ BẢO HIỂM**
   1. Phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe: theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.
   2. Phí bảo hiểm tự nguyện: thanh toán trước và không muộn hơn ngày **11/10/2025**.
   3. NĐBH có trách nhiệm thanh toán toàn bộ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm này trước khi gửi hồ sơ yêu cầu bồi thường trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm trong thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.
   4. NĐBH thanh toán phí bảo hiểm cho BHV bằng hình thức chuyển khoản theo theo thông tin sau:

* Chủ tài khoản: CÔNG TY BẢO HIỂM HÙNG VƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
* Số Tài khoản: 02347979
* Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) - CN Tân Bình - PGD Tân Sơn Nhất

1. **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**
   1. **Quyền và nghĩa vụ của Người được bảo hiểm**
2. Quyền của Người được bảo hiểm:

* Yêu cầu BHV bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
* Yêu cầu BHV cung cấp GCNBH, quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm.
* Yêu cầu BHV giải thích rõ ràng, đầy đủ về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm, giới hạn trách nhiệm, quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm.
* Yêu cầu BHV cung cấp bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm.
* Yêu cầu BHV cấp hóa đơn thu phí bảo hiểm.

1. Nghĩa vụ của Người được bảo hiểm:

* Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ
* Kê khai đầy đủ, trung thực mọi thông tin có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của BHV.
* Đọc và hiểu rõ điều kiện, điều khoản bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm; quyền, nghĩa vụ của Người được bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm và nội dung khác của hợp đồng bảo hiểm;
* Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm;
* Tạo điều kiện hỗ trợ BHV hoặc đại diện BHV tiến hành khảo sát đánh giá đối tượng bảo hiểm trước khi bảo hiểm và trong thời gian bảo hiểm;
* Thông báo cho BHV những trường hợp có thể làm tăng rủi ro hoặc giảm rủi ro hoặc làm phát sinh thêm trách nhiệm của BHV trong quá trình thực hiện HĐBH theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ khi phát sinh những trường hợp trên;
* Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, thực hiện:

+ Báo ngay cho cơ quan chức năng liên quan, cảnh sát giao thông đến hiện trường kịp thời và lập biên bản, bảo vệ hiện trường tổn thất đồng thời thực hiện mọi biện pháp cần thiết để đề phòng và hạn chế tổn thất.

+ Thông báo ngay cho BHV bằng phương tiện thông tin, liên lạc nhanh nhất và thông báo bằng văn bản cho BHV trong vòng 05 ngày kể từ khi xảy ra tổn thất; Trường hợp NĐBH không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ này, BHV có quyền giảm trừ số tiền phải bồi thường bảo hiểm tương ứng với thiệt hại mà BHV phải chịu, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng;

+ Phối hợp với BHV và/hoặc bên được BHV ủy quyền giám định bảo hiểm trong việc giám định tổn thất;

+ Phối hợp với BHV trong việc giải quyết tổn thất và trong trường hợp cần thiết có thể ủy quyền cho BHV thương lượng với các bên liên quan để giải quyết tổn thất;

+ Trường hợp thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm do người thứ ba gây ra, NĐBH có trách nhiệm báo ngay cho BHV và làm các thủ tục pháp lý cần thiết để bảo lưu quyền khiếu nại đòi người thứ ba của BHV;

+ Hoàn tất các hồ sơ, giấy tờ liên quan tới tổn thất làm cơ sở để giải quyết bồi thường theo yêu cầu của BHV.

* 1. **Quyền và nghĩa vụ của BHV**
  2. Quyền của BHV:
* Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;
* Yêu cầu NĐBH cung cấp đầy đủ, trung thực mọi thông tin có liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm;
* Yêu cầu NĐBH tuân thủ đầy đủ các quy định về khi tham gia giao thông đường bộ;
* Yêu cầu NĐBH áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và các quy định khác về đề phòng, hạn chế tổn thất theo Quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm quy định tại Hợp đồng này;
* Thực hiện biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật có liên quan;
* Có quyền hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp NĐBH cố ý cung cấp không đầy đủ thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm để được bồi thường, trả tiền bảo hiểm;
* Từ chối bồi thường, trả tiền bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;
* Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền mà BHV đã bồi thường cho NĐBH đối với những thiệt hại do người thứ ba gây ra.
  1. Nghĩa vụ của BHV:
* Bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
* Đánh giá rủi ro được bảo hiểm và tư vấn cho NĐBH các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất;
* Cung cấp cho NĐBH Giấy yêu cầu bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm, quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm;
* Giải thích rõ ràng, đầy đủ cho NĐBH về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của NĐBH khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;
* Cung cấp cho NĐBH bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm;
* Cấp hóa đơn thu phí bảo hiểm cho NĐBH theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật có liên quan;
* Lưu trữ hồ sơ hợp đồng bảo hiểm theo quy định của pháp luật;
* Bảo mật thông tin do NĐBH cung cấp, trừ trường hợp nhằm mục đích thực hiện hợp đồng hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của NĐBH;
* Trong trường hợp cần thiết, thay mặt NĐBH thương lượng với các bên liên quan để giải quyết tổn thất.

1. **ĐIỀU KHOẢN TỰ ĐỘNG CHẤM DỨT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

Nếu NĐBH không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận thì HĐBH/GCNBH sẽ tự động chấm dứt hiệu lực (BHV không cần phát hành thông báo) và BHV sẽ không chịu trách nhiệm bảo hiểm kể từ thời điểm hết hạn thanh toán phí. Theo đó:

* Người được bảo hiểm vẫn phải có trách nhiệm thanh toán khoản phí bảo hiểm cho BHV tương ứng với thời hạn phát sinh hiệu lực bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt HĐBH.
* Mọi khoản phí bảo hiểm được thanh toán (bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng) cho BHV sau thời hạn thanh toán đều không có giá trị ràng buộc trách nhiệm bảo hiểm với BHV (trừ khi có thoả thuận khác được BHV chấp nhận bằng văn bản).

1. **ĐIỀU KHOẢN KHÔI PHỤC HIỆU LỰC BẢO HIỂM**

Nếu NĐBH thanh toán phí bảo hiểm trong vòng 07 ngày sau ngày tự động chấm dứt hiệu lực bảo hiểm, HĐBH sẽ khôi phục hiệu lực bảo hiểm mới kể từ thời điểm NĐBH thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm cho BHV. BHV không chịu trách nhiệm với các tổn thất phát sinh từ thời điểm tự động chấm dứt đến thời điểm NĐBH thanh toán đủ phí bảo hiểm.

Tuy nhiên, việc khôi phục hiệu lực HĐBH như trên chỉ được áp dụng với điều kiện phải có văn bản xác nhận đồng ý của BHV.

Trường hợp, NĐBH đóng phí bảo hiểm sau thời điểm tự động chấm dứt hiệu lực của HĐBH và không có xác nhận đồng ý khôi phục hiệu lực hợp đồng bằng văn bản của BHV thì HĐBH đó được xem là không được khôi phục hiệu lực và BHV có quyền hoàn trả lại phí bảo hiểm cho NĐBH. BHV không chịu bất kỳ trách nhiệm bồi thường nào trong trường hợp này.

1. **KHAI BÁO TỔN THẤT VÀ THANH TOÁN BỒI THƯỜNG**

Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải tìm mọi cách cứu chữa, hạn chế thiệt hại đồng thời phải thông báo ngay cho cơ quan Công An hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất và số HOTLINE **1900.63.35.35** ghi trên Giấy Chứng Nhận Bảo hiểm để phối hợp giải quyết, trường hợp khách không thông báo ngay khi xảy ra tổn thất BHV sẽ xem xét từ chối một phần hoặc toàn bộ chi phí khắc phục tổn thất. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất, Người được bảo hiểm phải xác nhận tai nạn bằng văn bản cho BHV.

Thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm chỉ được BHV bồi thường khi hợp đồng đã được thanh toán phí bảo hiểm theo đúng quy định tại Điều 6 nói trên và thực hiện các nghĩa vụ trách nhiệm của Người được bảo hiểm đã cam kết.

Trình tự, thủ tục và hồ sơ yêu cầu giám định, bồi thường được thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, Quy tắc bảo hiểm nêu tại Điều 3 và theo hướng dẫn của BHV tùy từng trường hợp cụ thể.

1. **CÁC KHẲNG ĐỊNH VÀ CAM KẾT**
   1. **Các khẳng định và cam kết của BHV**
2. Giải thích cho Người được bảo hiểm về quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm; quyền lợi, trách nhiệm của người được bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm và theo yêu cầu của Người được bảo hiểm.
3. Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định tại các tài liệu ở Điều 3 của Hợp đồng này.
   1. **Các khẳng định và cam kết của Người được bảo hiểm**
4. Cung cấp và khai báo trung thực, chính xác và đầy đủ tất cả thông tin mà Người bảo hiểm biết và phải biết về Đối tượng được bảo hiểm tại Điều 2 và việc bảo hiểm theo hợp đồng này. Khi có bất kỳ thay đổi thông tin về Đối tượng được bảo hiểm dẫn đến tăng hoặc giảm các rủi ro được bảo hiểm (như thay đổi mục đích sử dụng, nâng cấp/thay đổi so với nguyên gốc của nhà sản xuất,…) Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho BHV để áp dụng mức phí bảo hiểm phù hợp cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.
5. Đã được BHV giải thích và đã hiểu rõ quy tắc, điều khoản loại trừ, biểu phí bảo hiểm; quyền lợi, trách nhiệm của người được bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm.
6. Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định tại các tài liệu ở Điều 3 của Hợp đồng này.
7. Tuân thủ các quy định được nêu trong Quy tắc bảo hiểm và các điều khoản sửa đổi bổ sung nêu tại Điều 3 Hợp đồng này.
8. **ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

Trong trường hợp có tranh chấp, hai bên sẽ cố gắng giải quyết các tranh chấp liên quan đến Hợp đồng này qua trao đổi và thương lượng. Nếu các bên không thể giải quyết tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi phát sinh tranh chấp thì một trong hai bên có thể đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

Trong trường hợp có sự không nhất quán giữa các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng này và các điều khoản, điều kiện của Phụ lục/SĐBS thì các điều khoản, điều kiện của Phụ lục/SĐBS sẽ được ưu tiên áp dụng.

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

| **BÊN MUA BẢO HIỂM** | **BÊN BẢO HIỂM** |
| --- | --- |